



HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Tên gói hàng hóa/dịch vụ: Cung cấp Dịch vụ Dịch thuật

Giai đoạn từ T11/2025- T10/2027

Bên mời chào giá: Ban Tiếp thị Bán sản phẩm

Tổng công ty Hàng không Việt Nam

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2025

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN MỜI CHÀO GIÁ

TUO. TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN TIẾP THỊ BÁN SẢN PHẨM



PHẠM THỊ NGUYỆT

MỤC LỤC

THƯ MỜI CHÀO GIÁ	4
1. YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA/DỊCH VỤ	5
2. YÊU CẦU VỀ TƯ CÁCH NHÀ CUNG CẤP	5
3. YÊU CẦU CHÀO GIÁ	5
4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ	6
4.1 Tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ của HSDX	6
4.2 Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm	7
4.3 Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật	12
5. CÁC YÊU CẦU KHÁC	14
5.1 Các quy định về chuẩn bị HSDX và nộp HSDX	14
5.2 Làm rõ HSDX	15
5.3 Đánh giá các HSDX	15
5.4 Điều kiện Nhà cung cấp được lựa chọn	17
5.5 Thông báo kết quả chào giá	17
5.6 Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng	17
5.7 Xử lý vi phạm	17
5.8 Kiến nghị trong mời chào giá	17
5.9 Các biểu mẫu	18
Mẫu số 01	19
ĐƠN CHÀO GIÁ	19
Mẫu số 02	20
GIẤY ỦY QUYỀN	20
Mẫu số 03	21
BIỂU GIÁ CHÀO	21
Mẫu số 4	25
CÁC TÀI LIỆU CỦA NHÀ CUNG CẤP	25

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	NGHĨA ĐẦY ĐỦ
1.	HSYC	Hồ sơ yêu cầu chào giá
2.	HSĐX	Hồ sơ đề xuất
3.	VND	Đồng Việt Nam
4.	TCTHK	Tổng công ty Hàng không Việt Nam
5.	VNA	Vietnam Airlines
6.	LC NCC	Lựa chọn nhà cung cấp
7.	NCC	Nhà cung cấp
8.	NSX	Nhà sản xuất
9.	BDV	Biên dịch vi
10.	HĐV	Hiệu đính viên

**TỔNG CÔNG TY
HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1934/TCTHK-TTBSP
V/v Mời chào giá cung cấp Dịch vụ
dịch thuật giai đoạn từ T11/2025-
T10/2027

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2025

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines) xin gửi Quý công ty lời chào trân trọng!

Chúng tôi kính mời Quý công ty tham gia gói chào giá: “Cung cấp Dịch vụ Dịch thuật giai đoạn từ T11/2025- T10/2027”

Các yêu cầu chi tiết về dịch vụ được nêu tại Hồ sơ yêu cầu gửi kèm theo.

Đề nghị Quý công ty gửi Hồ sơ đề xuất tới địa chỉ:

- Ban Tiếp thị Bán sản phẩm - Tổng công ty Hàng không Việt Nam.
- Địa chỉ: 200 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, TP. Hà Nội – Việt Nam.
- Người liên hệ: Bà Bùi Huyền Ngọc.
- Điện thoại: (84-24) 4 38732732 - Ext 2172; Fax: (84-24) 38721 007.
- Email: ngocbh@vietnamairlines.com.

Hồ sơ đề xuất phải được đóng dấu, niêm phong và gửi đến địa chỉ trên trước 10h00 ngày 17/10/2025.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT TTBS, (NGOCBH).

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN TIẾP THỊ BÁN SẢN PHẨM**



PHẠM THỊ NGUYỆT

1. YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA/DỊCH VỤ

1.1 Nội dung, danh mục hàng hóa/dịch vụ:

1.1.1. Tên gói hàng hóa/dịch vụ:

Cung cấp dịch vụ dịch thuật giai đoạn từ T11/2025- T10/2027.

1.1.2. Danh mục hàng hóa/dịch vụ:

Cung cấp dịch vụ dịch thuật từ tiếng Việt (dịch song ngữ, hiệu đính, đọc soát, dịch sáng tạo) cho các nội dung: sản phẩm, dịch vụ, chương trình Bông Sen Vàng của Vietnam Airlines, các nội dung truyền thông, quảng cáo; nội dung điều kiện, điều khoản và các nội dung khác trên website và app của Vietnam Airlines sang các ngôn ngữ như sau:

- Tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Trung giản thể, tiếng Trung phồn thể, tiếng Thái, tiếng Indonesia.
- Tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Nga, Tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Hà Lan, tiếng Đan Mạch, tiếng Bồ Đào Nha.

1.2 Yêu cầu, tiêu chuẩn dịch vụ: theo Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật quy định tại Điều 4.3 HSYC.

1.3 Địa điểm bàn giao dịch vụ:

Địa điểm: Tổng công ty Hàng không Việt Nam, số 200 phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, Tp. Hà Nội, Việt Nam;

1.4 Thời gian bàn giao dịch vụ:

Tùy theo khối lượng của nội dung văn bản cần dịch thuật của bên mời chào giá, nhà cung cấp sẽ phải gửi lại bản dịch theo thỏa thuận của 02 bên được quy định chi tiết trong hợp đồng.

2. YÊU CẦU VỀ TƯ CÁCH NHÀ CUNG CẤP

2.1 Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy đăng ký hoạt động phù hợp, hợp pháp được cấp theo qui định của pháp luật (còn hiệu lực).

2.2 Có bản cam kết không có tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi hoặc đang có vi phạm hợp đồng với Tổng công ty Hàng không Việt Nam.

2.3 Có bản cam kết không bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo Luật Đấu thầu.

2.4 Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là Nhà cung cấp chính.

3. YÊU CẦU CHÀO GIÁ

3.1 Giá chào là giá do nhà cung ứng dịch vụ nêu trong đơn chào giá sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá chào phải bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện gói dịch vụ trên cơ sở yêu cầu của hồ sơ chào giá.

3.2 Trường hợp nhà cung ứng dịch vụ có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSDX hoặc nộp riêng song phải đảm bảo bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSDX thì nhà cung ứng dịch vụ phải thông

báo cho bên mời chào giá trước thời điểm hết hạn nộp HSDX hoặc phải có bảng kê thành phần HSDX trong đó có thư giảm giá. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá đối với từng loại dịch vụ cụ thể nêu trong biểu giá chào bằng giá trị tuyệt đối. Trường hợp không nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả các loại dịch vụ nêu trong biểu giá chào.

3.3 Biểu giá chào phải được ghi đầy đủ theo Mẫu số 3, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung ứng dịch vụ.

3.4 Biểu giá chào phải bao gồm: Giá dịch vụ chưa có thuế, các loại thuế/phí và tổng giá đã bao gồm các loại thuế/phí.

3.5 Giá chào được chào bằng USD (đối với NCC nước ngoài); VND (đối với NCC trong nước). Tỷ giá quy đổi từ USD sang VND theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố vào ngày mở chào giá.

3.6 Phương thức thanh toán:

- Tiến độ thanh toán: thanh toán theo quý
- Hình thức thanh toán: bằng chuyển khoản 100% giá trị từng đợt thanh toán trong vòng 30 ngày sau khi nhận được đầy đủ các chứng từ thanh toán.
- Bộ chứng từ thanh toán
 - + Hợp đồng có hiệu lực
 - + Biên bản nghiệm thu các hạng mục công việc hoàn thành có xác nhận giá trị thanh toán.
 - + Hóa đơn theo quy định của Bộ tài chính
 - + Biên bản thanh lý hợp đồng (Cung cấp kèm theo bộ hồ sơ thanh toán đợt cuối)

3.7 Hiệu lực của giá chào: Giá chào phải có hiệu lực trong vòng 60 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX.

4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

4.1 Tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ của HSDX

STT	Nội dung	Yêu cầu của VNA	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy đăng ký hoạt động	Có cung cấp	Có cung cấp	Không cung cấp
2	Bản cam kết không có tranh chấp với TCTHK và điều kiện không bị cấm tham gia đấu thầu	Có cung cấp	Có cung cấp	Không cung cấp
3	NCC tham gia dự tuyển với tư cách độc lập; NCC không phải là công ty mẹ/con, công ty liên kết, công ty có	Có cung cấp	Có cung cấp	Không cung cấp

STT	Nội dung	Yêu cầu của VNA	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
	vốn góp của nhau tham gia dự tuyển cùng 1 phương án chào giá.			
4	Hiệu lực của giá chào: Giá chào phải có hiệu lực tối thiểu 60 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX Biểu giá chào: có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung ứng dịch vụ.	Có cung cấp	Có cung cấp	Không cung cấp

4.2 Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm

STT	Nội dung	Yêu cầu của VNA	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
1	Bảng kê các hợp đồng dịch thuật có hạng mục tương tự trong hai năm gần nhất (2023-2024)	Có cung cấp bảng kê và bản sao hợp đồng trong 2023-2024	Có cung cấp	Không cung cấp
2	Báo cáo tài chính trong năm 02 năm 2023 - 2024, trong đó ghi nhận kết quả lợi nhuận sau thuế dương và doanh thu trung bình mỗi năm (từ 2023-2024) đạt tối thiểu 19 tỷ VND	Có cung cấp	Có cung cấp	Không cung cấp
3	Có đội ngũ biên dịch đã từng đảm nhiệm dịch thuật ít nhất 1 dự án dịch lớn. (Số lượng dịch > 50.000 từ cho mỗi ngôn ngữ/mỗi dự án)	Có cung cấp danh sách nhân sự và bằng cấp/chứng chỉ của từng cá nhân	Có cung cấp	Không cung cấp
4	Biên dịch viên, Hiệu đính viên đáp ứng các yêu cầu cho từng ngôn ngữ dưới đây.	Có cung cấp danh sách, bằng cấp, chứng chỉ	Có cung cấp	Không cung cấp
4.1	Tiếng Anh: BDV, HDV cần đáp ứng một trong các yêu cầu sau: - Bằng cử nhân/thạc sĩ/tiến sĩ ngôn ngữ Anh hoặc chuyên ngành Biên-	Có cung cấp danh sách, bằng cấp, chứng chỉ	Có cung cấp	Không cung cấp

STT	Nội dung	Yêu cầu của VNA	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
	Phiên dịch tiếng Anh được cấp bởi trường đại học đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ - Có chứng chỉ IELTS ≥ 7.5 , TOEFL iBT ≥ 100 , PTE Academic ≥ 67 , Cambridge C1 Advanced; hoặc chứng chỉ năng lực tiếng Anh theo Khung NLNN 6 bậc do Bộ GD&ĐT Việt Nam cấp, đạt tối thiểu Bậc 5 (C1).			
4.2	Tiếng Pháp: BDV, HĐV cần đáp ứng một trong các yêu cầu sau: - Bằng cử nhân/thạc sĩ/tiến sĩ ngôn ngữ Pháp hoặc chuyên ngành Biên-Phiên dịch tiếng Pháp được cấp bởi trường đại học đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ - Có chứng chỉ DELF (B2 trở lên), DALF (C1 trở lên), TCF (B2 trở lên)	Có cung cấp danh sách, bằng cấp, chứng chỉ	Có cung cấp	Không cung cấp
4.3	Tiếng Đức: BDV, HĐV cần đáp ứng một trong các yêu cầu sau: - Bằng cử nhân/thạc sĩ/tiến sĩ ngôn ngữ Đức hoặc chuyên ngành Biên-Phiên dịch tiếng Đức được cấp bởi trường đại học đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ. - Có chứng chỉ Goethe-Zertifikat (C1 trở lên), TestDaF (đạt TDN 4 ở tất cả kỹ năng), DSH (DSH-1 trở lên), Chứng chỉ DSD (DSD II)	Có cung cấp danh sách, bằng cấp, chứng chỉ	Có cung cấp	Không cung cấp
4.4	Tiếng Nga: BDV, HĐV cần đáp ứng một trong các yêu cầu sau: - Bằng cử nhân/thạc sĩ/tiến sĩ ngôn ngữ Nga hoặc chuyên ngành Biên-Phiên dịch tiếng Nga được cấp bởi trường đại học đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ. - Có chứng chỉ TORFL (TPKI/TRKI) – Test of Russian as	Có cung cấp danh sách, bằng cấp, chứng chỉ	Có cung cấp	Không cung cấp

STT	Nội dung	Yêu cầu của VNA	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
	a Foreign Language (đạt TPKI-2 (B2) trở lên).			
4.5	Tiếng Nhật: BDV, HĐV cần đáp ứng một trong các yêu cầu sau: - Bảng cử nhân/thạc sĩ/tiến sĩ ngôn ngữ Nhật hoặc chuyên ngành Biên–Phiên dịch tiếng Nhật được cấp bởi trường đại học đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ. - Có chứng chỉ JLPT (N1 trở lên), J-Test (cấp độ C trở lên), NAT-Test (N2 trở lên), BJT (J2 trở lên).	Có cung cấp danh sách, bằng cấp, chứng chỉ	Có cung cấp	Không cung cấp
4.6	Tiếng Hàn: BDV, HĐV cần đáp ứng một trong các yêu cầu sau: - Bảng cử nhân/thạc sĩ/tiến sĩ ngôn ngữ Hàn hoặc chuyên ngành Biên–Phiên dịch tiếng Hàn được cấp bởi trường đại học đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ. - Có chứng chỉ TOPIK (cấp 4 trở lên), KLPT (cấp 4 trở lên)	Có cung cấp danh sách, bằng cấp, chứng chỉ	Có cung cấp	Không cung cấp
4.7	Tiếng Trung Giản thể: BDV, HĐV cần đáp ứng một trong các yêu cầu sau: - Bảng cử nhân/thạc sĩ/tiến sĩ ngôn ngữ Trung Quốc hoặc chuyên ngành Biên–Phiên dịch tiếng Trung Quốc được cấp bởi trường đại học đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ. - Có chứng chỉ HSK (HSK 6 trở lên), Chứng chỉ BCT (BCT-C)	Có cung cấp danh sách, bằng cấp, chứng chỉ	Có cung cấp	Không cung cấp
4.8	Tiếng Trung Phồn thể (Đài Loan): BDV, HĐV cần đáp ứng một trong các yêu cầu sau: - Bảng cử nhân/thạc sĩ/tiến sĩ ngôn ngữ Trung Quốc hoặc chuyên ngành Biên–Phiên dịch tiếng Trung Quốc được cấp bởi trường đại học đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ .	Có cung cấp danh sách, bằng cấp, chứng chỉ	Có cung cấp	Không cung cấp

STT	Nội dung	Yêu cầu của VNA	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
	- Có chứng chỉ HSK (HSK 6 trở lên), chứng chỉ BCT (BCT-C), TOCFL (Level 4 – Band B trở lên).			
4.9	Tiếng Thái: BDV, HĐV cần đáp ứng một trong các yêu cầu sau: - Bằng cử nhân/thạc sĩ/tiến sĩ ngôn ngữ Thái Lan hoặc chuyên ngành Biên–Phiên dịch tiếng Thái Lan được cấp bởi trường đại học đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ . - Có chứng chỉ TLPT/TLCT/TCT/PTLT (đạt C1 CEFR trở lên), chứng chỉ liên quan tới ngôn ngữ Thái do các trường đại học tại Thái Lan cấp như Chứng chỉ tiếng Thái Lan CU-TFL (đạt Intermediate trở lên).	Có cung cấp danh sách, bằng cấp, chứng chỉ	Có cung cấp	Không cung cấp
4.10	Tiếng Ý: BDV, HĐV cần đáp ứng một trong các yêu cầu sau: - Bằng cử nhân/thạc sĩ/tiến sĩ ngôn ngữ Ý hoặc chuyên ngành Biên–Phiên dịch tiếng Ý được cấp bởi trường đại học đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ. - Có chứng chỉ CILS (C1 trở lên)/ CELI (CELI 4 trở lên)/ PLIDA (C1 trở lên)/ CERT.IT (C1 trở lên)/ DITALS (DITALS I trở lên).	Có cung cấp danh sách, bằng cấp, chứng chỉ	Có cung cấp	Không cung cấp
4.11	Tiếng Tây Ban Nha: - Bằng cử nhân/thạc sĩ/tiến sĩ ngôn ngữ Tây Ban Nha hoặc chuyên ngành Biên–Phiên dịch tiếng Tây Ban Nha được cấp bởi trường đại học đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ. - Có chứng chỉ DELE (C1 trở lên)/ SIELE (≥ 800 điểm / CERT.IT (C1 trở lên)/ PLIDA (C1 trở lên).	Có cung cấp danh sách, bằng cấp, chứng chỉ	Có cung cấp	Không cung cấp
4.12	Tiếng Indo: BDV, HĐV cần đáp ứng một trong các yêu cầu sau:	Có cung cấp danh sách,	Có cung cấp	Không cung cấp

STT	Nội dung	Yêu cầu của VNA	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
	- Bằng cử nhân/thạc sĩ/tiến sĩ ngôn ngữ Indo hoặc chuyên ngành Biên–Phiên dịch tiếng Indonesia được cấp bởi trường đại học đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ. - Có chứng chỉ UKBI (≥ 525 điểm/ B2)/ BIPA (C1 trở lên), chứng chỉ liên quan tới ngôn ngữ Indo do các trường đại học Indo cấp.	bằng cấp, chứng chỉ		
4.13	Tiếng Hà Lan: - Bằng cử nhân/thạc sĩ/tiến sĩ ngôn ngữ Hà Lan hoặc chuyên ngành Biên–Phiên dịch tiếng Hà Lan được cấp bởi trường đại học đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ - Có chứng chỉ CnaVT (đạt PTHO trở lên)/ NT2 (NT2-II (B2)).	Có cung cấp danh sách, bằng cấp, chứng chỉ	Có cung cấp	Không cung cấp
4.14	Tiếng Đan Mạch: - Bằng cử nhân/Thạc sĩ Ngôn ngữ Bắc Âu được cấp bởi được cấp bởi trường đại học chuyên ngành ngôn ngữ hoặc các khóa đào tạo chuyên môn tiếng Đan Mạch do trung tâm uy tín cấp hoặc các bằng chứng năng lực thực tế như hợp đồng dịch, hoặc giấy chứng nhận đào tạo chuyên ngành liên quan. - Chứng chỉ quốc gia cấp bởi Bộ Giáo dục & Nghiên cứu Đan Mạch: Prøve i Dansk 1-3 (Prøve i Dansk 2 trở lên)/ Studieprøven (C1)	Có cung cấp danh sách, bằng cấp, chứng chỉ	Có cung cấp	Không cung cấp
4.15	Tiếng Bồ Đào Nha: BDV, HDV cần đáp ứng một trong các yêu cầu sau: - Bằng cử nhân/thạc sĩ/tiến sĩ ngôn ngữ Bồ Đào Nha hoặc chuyên ngành Biên–Phiên dịch tiếng Bồ Đào Nha được cấp bởi trường đại học đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ. - Có chứng chỉ CELPE-Bras (CELPE-Bras Upper Intermediate (C1) trở lên), CAPLE (DIPLE trở lên).	Có cung cấp danh sách, bằng cấp, chứng chỉ	Có cung cấp	Không cung cấp

STT	Nội dung	Yêu cầu của VNA	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
5	Danh sách 03 khách hàng đã sử dụng dịch vụ dịch thuật trong các năm 2023-2025.	Có cung cấp danh sách chi tiết	Có cung cấp	Không cung cấp
	KẾT LUẬN		Đáp ứng tất cả các nội dung trên	Không đáp ứng một hoặc nhiều nội dung nêu trên

4.3 Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

STT	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu của VNA	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
1	Nội dung cung cấp dịch vụ			
1.1	Cung cấp dịch vụ dịch thuật 15 cặp ngôn ngữ: Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung giản thể, Trung Phồn thể, Đức, Pháp, Nga, Thái, Ý, Tây Ban Nha, Indo, Hà Lan, Đan Mạch, Bồ Đào Nha.	Có bằng chứng về các bài dịch thuật của 15 ngôn ngữ đã đăng tải trên website hoặc báo, tạp chí	Có cung cấp	Không cung cấp
1.2	Có ít nhất 2 biên dịch viên và 1 hiệu đính viên tham gia dịch thuật mỗi ngôn ngữ nêu tại mục 1.1	Có danh sách biên dịch viên, hiệu đính viên cho mỗi ngôn ngữ và cung cấp văn bằng/chứng chỉ để chứng minh nhân sự có chuyên môn về ngôn ngữ.		
1.3	Có sử dụng hệ thống, nền tảng kết nối ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI Platform) quản lý chất lượng dịch vụ dịch thuật.	Có hóa đơn hoặc hợp đồng mua phần mềm quản lý dự án dịch trong năm 2024-2025		
1.4	Có sử dụng hệ thống cung cấp báo cáo chi tiết về hiệu suất dịch thuật, bao gồm thời gian hoàn thành, số lượng từ đã dịch, và chất lượng bản dịch, đảm bảo tính bảo mật cao.	Có hóa đơn hoặc hợp đồng mua phần mềm quản lý dự án dịch trong năm 2024-2025		

STT	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu của VNA	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
1.5	Hệ thống phải có khả năng lưu trữ và quản lý các cặp ngôn ngữ đã dịch (Translation Memory), Translation Memory phải được cập nhật liên tục sau mỗi dự án dịch thuật, cho phép tìm kiếm và truy xuất nhanh chóng các cặp ngôn ngữ đã dịch.	Có hóa đơn hoặc hợp đồng mua phần mềm quản lý dự án dịch trong năm 2024-2025		
2	Quy trình cung cấp dịch vụ			
	Có quy trình, thời hạn cung cấp dịch vụ dịch thuật cho VNA. Yêu cầu về thời gian hoàn thành bản dịch: • Đối với tài liệu dưới 500 từ: Thời gian hoàn thành trong 01 ngày. • Đối với tài liệu từ 500 đến 1.500 từ: Thời gian hoàn thành trong 02 ngày. • Đối với tài liệu từ 1.500 đến 3.000 từ: Thời gian hoàn thành trong 03 ngày. • Đối với tài liệu từ 3.000 đến 4.000 từ: Thời gian hoàn thành trong 04 ngày. • Đối với tài liệu từ 4.000 đến 5.000 từ: Thời gian hoàn thành trong 05 ngày. • Đối với tài liệu trên 5.000 từ: Thời gian hoàn thành sẽ được trao đổi và thống nhất dựa trên tình hình thực tế. Thời gian hoàn thành tài liệu không bao gồm Thứ 7, Chủ nhật và các dịp nghỉ lễ Tết theo qui định chung của Nhà nước.	Có bản cam kết đáp ứng yêu cầu thời gian hoàn thành bài dịch	Có cung cấp	Không cung cấp
3	Yêu cầu về thanh toán			
	VNA sẽ thanh toán trả sau định kỳ 03 tháng/lần dựa trên biên bản nghiệm thu dịch vụ đã hoàn thành	Có bản cam kết đáp ứng yêu cầu về điều kiện thanh toán của VNA	Có cung cấp	Không cung cấp

STT	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu của VNA	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
4	Yêu cầu về tạm ứng			
	VNA không tạm ứng thanh toán dịch vụ	Có bản cam kết đồng ý đáp ứng yêu cầu về điều kiện tạm ứng của VNA	Có cung cấp	Không cung cấp
	KẾT LUẬN		Đáp ứng tất cả các nội dung trên	Không đáp ứng một hoặc nhiều nội dung nêu trên

5. CÁC YÊU CẦU KHÁC

5.1 Các quy định về chuẩn bị HSDX và nộp HSDX

5.1.1 Nội dung của HSDX

- Hồ sơ đề xuất (HSDX) cũng như tất cả các văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời chào giá và nhà cung ứng liên quan đến việc chào giá phải được viết bằng tiếng Việt đối với NCC trong nước và tiếng Anh đối với NCC nước ngoài.
- HSDX do nhà cung ứng dịch vụ chuẩn bị bao gồm các nội dung sau:
 - Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của HSDX: Chi tiết tại Điều 4.1.
 - Tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm của nhà cung ứng dịch vụ: Chi tiết tại Điều 4.2.
 - Tài liệu chứng minh năng lực về kỹ thuật của nhà cung ứng dịch vụ: Chi tiết tại Điều 4.3.
 - Tài liệu chứng minh năng lực về thanh toán của nhà cung ứng dịch vụ: Chi tiết tại Điều 4.4.
 - Đơn chào giá: Mẫu số 1.
 - Giấy ủy quyền: Mẫu số 2.
 - Biểu giá chào: Mẫu số 3.

Số lượng HSDX phải nộp: 01 (một) bản gốc.

5.1.2 Thời gian có hiệu lực của HSDX

Thời gian có hiệu lực của HSDX là 60 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX quy định tại khoản 5.1.3 Điểm b.

5.1.3 Chuẩn bị và nộp HSDX

- HSDX do nhà cung ứng dịch vụ chuẩn bị phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn chào giá, biểu giá chào, thư giảm giá (nếu có) và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX (nếu có) phải được đại diện hợp pháp của nhà cung ứng dịch vụ ký và đóng dấu. Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa

hoặc viết đề lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn chào giá) ở bên cạnh và được đóng dấu.

- b. HSDX của nhà cung ứng dịch vụ phải được đựng trong túi niêm phong. Nhà cung ứng dịch vụ nộp HSDX đến bên mời chào giá bằng cách gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện, thư điện tử nhưng phải đảm bảo bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX là 10 giờ 00 (giờ Việt Nam), ngày 17 tháng 10 năm 2025. HSDX của nhà cung ứng dịch vụ gửi đến sau thời điểm hết hạn nộp HSDX là không hợp lệ và bị loại.

- c. HSDX phải được gửi đến địa chỉ sau:

Ban Tiếp thị Bán sản phẩm

Tổng công ty hàng không Việt Nam

Số 200 Nguyễn Sơn – Phường Bồ Đề – Tp. Hà Nội – Việt Nam.

Người liên hệ: Bà Bùi Huyền Ngọc

Tel: (+84) 24 38732732 - Ext 2172

Fax: (84) 24 38273773

Email: ngocbh@vietnamairlines.com

5.2. Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, NCC phải gửi đề nghị làm rõ bằng email, bảo đảm TCTHK nhận được trước tối thiểu 04 ngày làm việc trước thời hạn nộp HSDX quy định tại khoản 5.1.3 Điểm b.

Nội dung làm rõ sẽ được TCTHK gửi bằng email tới tất cả các NCC đã nhận HSYC. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC, TCTHK sẽ gửi những nội dung sửa đổi đến tất cả các NCC đã nhận HSYC không muộn hơn 03 ngày làm việc trước thời hạn nộp HSDX.

5.3. Làm rõ HSDX

- 5.3.1. Trong quá trình đánh giá HSDX, bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung ứng dịch vụ làm rõ nội dung của HSDX (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường) và bổ sung tài liệu trong trường hợp HSDX thiếu tài liệu theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá chào.

- 5.3.2. Việc làm rõ HSDX được thực hiện giữa bên mời chào giá và nhà cung ứng dịch vụ có HSDX cần phải làm rõ dưới hình thức trao đổi trực tiếp (bên mời chào giá mời nhà cung ứng dịch vụ đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (bên mời chào giá gửi văn bản yêu cầu làm rõ và nhà cung ứng dịch vụ phải trả lời bằng văn bản). Trong văn bản yêu cầu làm rõ cần quy định thời hạn làm rõ của nhà cung ứng dịch vụ. Nội dung làm rõ HSDX thể hiện bằng văn bản được bên mời chào giá bảo quản như một phần của HSDX.

- 5.3.3. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà bên mời chào giá không nhận được văn bản làm rõ hoặc nhà cung ứng dịch vụ có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời chào giá thì bên mời chào giá xem xét, xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành.

5.4. Đánh giá các HSDX

- b. Tính hợp lệ (chữ ký, thời gian) trong các tài liệu như Đơn chào giá tại Mẫu số 1, Giấy ủy quyền (nếu có) tại Mẫu số 2, Biểu giá chào tại Mục 3;
 - c. Hiệu lực của HSDX theo quy định tại khoản 5.1.2;
 - d. Tính hợp lệ, sự phù hợp (đáp ứng) của sản phẩm/dịch vụ theo yêu cầu tại Mục 1;
 - e. Tính hợp lệ, sự phù hợp (đáp ứng) của yêu cầu chào giá nêu tại Mục 3
- HSDX của nhà cung cấp sẽ bị loại bỏ và không được xem xét tiếp nếu nhà cung cấp không đáp ứng một trong các nội dung nói trên.

5.4.2. Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm nhà cung cấp

Bên mời chào giá đánh giá năng lực, kinh nghiệm các Nhà cung cấp theo Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm quy định tại Điều 4.2 và sử dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí “Đạt”, “Không đạt”. HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm khi tất cả các nội dung chi tiết về năng lực, kinh nghiệm được đánh giá là “Đạt”.

5.4.3. Đánh giá về yêu cầu kỹ thuật hàng hóa, dịch vụ:

Bên mời chào giá tiến hành đánh giá về mặt kỹ thuật các HSDX đã vượt qua bước đánh giá sơ bộ trên cơ sở các yêu cầu của HSDX được nêu tại Điều 4.3. Việc đánh giá các yêu cầu kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp theo tiêu chí “đạt”, “không đạt” được nêu tại Điều 4.3. Hồ sơ chỉ được đánh giá là đạt nếu đạt tất cả các yêu cầu về kỹ thuật.

5.4.4. Đánh giá về điều kiện thanh toán:

Bên mời chào giá đánh giá theo các yêu cầu về điều kiện thanh toán quy định tại khoản 4.4.1 HSYC và sử dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí “Đạt”, “Không đạt”. HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về điều kiện thanh toán khi tất cả các nội dung chi tiết về điều kiện thanh toán được đánh giá là “Đạt”.

5.4.5. Đánh giá theo giá chào:

- a) Bên mời chào giá xác định giá chào sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại Luật Đấu thầu và trừ giá trị giảm giá trong Thư giảm giá (nếu có) để tiến hành so sánh. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ giá trị giảm giá được xếp hạng theo thứ tự từ thấp đến cao để mời vào đàm phán với nguyên tắc như sau:

- Trường hợp có từ 03 NCC trở lên đáp ứng yêu cầu của HSYC, Bên mời chào giá đàm phán với 03 NCC xếp hạng cao nhất.
- Trường hợp ít hơn 03 NCC đáp ứng yêu cầu của HSYC, Bên mời chào giá đàm phán với tất cả các NCC đáp ứng yêu cầu.

Trong quá trình đàm phán, các bên tham gia đàm phán về giá, các điều kiện kỹ thuật, thương mại và các nội dung khác. Việc đàm phán dựa trên các cơ sở sau đây:

- HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của NCC;
- HSYC.

- b) Trong trường hợp sau khi đàm phán, các Nhà cung cấp có giá chào sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ giá trị giảm giá ngang nhau. Bên mời chào giá sẽ xếp hạng Nhà cung cấp theo thứ tự ưu tiên về so sánh các điều kiện chào tốt hơn/có lợi hơn cho Bên mời chào giá như: đặc tính kỹ thuật, chất lượng sản phẩm/dịch vụ; điều kiện thanh toán; qui mô, năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp; các điều kiện khác có lợi hơn cho bên thứ ba thụ hưởng sản phẩm/dịch vụ (nội dung khuyến khích Nhà cung cấp chào các điều kiện có lợi hơn quy định tại Mẫu số 3: Biểu giá chào Điều 5.9).

5.5. Điều kiện Nhà cung cấp được lựa chọn

Nhà cung ứng dịch vụ được đề nghị trúng chào giá khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSDX hợp lệ;
- Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là nhà cung ứng dịch vụ chính;
- Đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong HSYC;
- Có giá chào sau đàm phán thấp nhất và không vượt quá giá trị kế hoạch của gói chào giá được phê duyệt.

5.6. Thông báo kết quả chào giá

Bên mời chào giá thông báo kết quả chào giá bằng văn bản cho tất cả các nhà cung ứng dịch vụ tham gia nộp HSDX sau khi có văn bản phê duyệt kết quả chào giá. Đối với nhà cung ứng dịch vụ trúng chào giá bên mời chào giá sẽ ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

5.7. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng

Bên mời chào giá tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng với nhà cung ứng dịch vụ trúng chào giá để ký kết hợp đồng.

5.8. Xử lý vi phạm

Trường hợp Nhà cung cấp có các hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý căn cứ theo quy định của Luật Đấu thầu và các quy định pháp luật khác liên quan.

5.9. Kiến nghị trong mời chào giá

5.9.1. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày thông báo kết quả chào giá, nhà cung ứng dịch vụ có quyền kiến nghị về kết quả chào giá và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

5.9.2. Trường hợp nhà cung ứng dịch vụ có kiến nghị về kết quả chào giá gửi người có thẩm

quyền về giải quyết kiến nghị, đơn kiến nghị gửi đến địa chỉ:

Ban Tiếp thị Bán sản phẩm

Tổng công ty hàng không Việt Nam

Số 200 Nguyễn Sơn – Phường Bồ Đề – Tp. Hà Nội – Việt Nam.

5.10. Các biểu mẫu

- Mẫu số 1: Đơn chào giá.
- Mẫu số 2: Giấy ủy quyền.
- Mẫu số 3: Biểu giá chào.
- Mẫu số 4: Các tài liệu của nhà cung cấp

ĐƠN CHÀO GIÁ

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: Tổng công ty Hàng không Việt Nam
(sau đây gọi là bên mời chào giá)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào giá mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên Công ty], cam kết thực hiện gói chào giá _____ [Ghi tên gói chào giá] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu chào giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ] cùng với biểu giá kèm theo.

Nếu hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp dịch vụ theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian 60 ngày, kể từ _____ giờ, ngày _____ tháng _____ năm _____ [Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá].

Đại diện hợp pháp của nhà cung ứng dịch vụ⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung ứng ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2). Trước khi ký kết hợp đồng, nhà cung ứng dịch vụ trúng giá phải trình bên mời chào giá bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung ứng*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà nhà cung ứng*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà nhà cung ứng*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá gói dịch vụ [*Ghi tên gói dịch vụ*] do ____ [*Ghi tên bên mời chào giá*] tổ chức:

[- Ký đơn chào giá;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào giá trong quá trình tham gia chào giá, kể cả văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ chào giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với bên mời chào giá nếu trúng giá.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà nhà cung ứng*]. ____ [*Ghi tên nhà nhà cung ứng*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Người ủy quyền

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà cung ứng, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào giá cùng với đơn chào giá theo quy định. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung ứng cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung ứng để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung ứng thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung ứng hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá.

Mẫu số 03

BIỂU GIÁ CHÀO

I. Giai đoạn 1: từ T11/2025- T10/2026

Dịch vụ	Số lượng tự	Đơn giá	Tổng giá, không bao gồm thuế	Thuế VAT	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Thuế, phí khác nếu có	Tổng giá, bao gồm thuế, phí
Dịch sang tiếng Anh	129.805						
Dịch sang tiếng Pháp	136.631						
Dịch sang tiếng Đức	136.155						
Dịch sang tiếng Nga	136.451						
Dịch sang tiếng Nhật	137.455						
Dịch sang tiếng Hàn	138.395						
Dịch sang tiếng Trung Giản thể	136.158						
Dịch sang tiếng Trung Phồn thể	136.085						
Dịch sang tiếng Thái	136.857						
Dịch sang tiếng Ý	284.000						
Dịch sang tiếng Tây Ban Nha	284.000						
Dịch sang tiếng Indo	284.000						

II. Giai đoạn 2: T11/2026- T10/2027

Dịch vụ	Số lượng từ	Đơn giá	Tổng giá, không bao gồm thuế	Thuế VAT	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Thuế, phí khác nếu có	Tổng giá, bao gồm thuế, phí
Dịch sang tiếng Anh	130.305						
Dịch sang tiếng Pháp	137.131						
Dịch sang tiếng Đức	136.655						
Dịch sang tiếng Nga	136.951						
Dịch sang tiếng Nhật	137.955						
Dịch sang tiếng Hàn	138.895						
Dịch sang tiếng Trung Giản thể	136.658						
Dịch sang tiếng Trung Phồn thể	136.585						
Dịch sang tiếng Thái	137.357						
Dịch sang tiếng Ý	137.357						
Dịch sang tiếng Tây Ban Nha	137.357						
Dịch sang tiếng Indo	137.357						
Dịch sang tiếng Hà Lan	284.000						
Dịch sang tiếng Đan Mạch	284.000						
Dịch sang tiếng Bồ Đào Nha	284.000						

	Giá trị gói dịch vụ (chưa bao gồm thuế)	Thuế VAT	Giá trị gói dịch vụ (đã bao gồm VAT)
Giai Đoạn 1			
Giai Đoạn 2			
Tổng			

Lưu ý:

- Đối với nhà cung ứng Việt Nam: chỉ áp dụng thuế VAT. Thuế VAT áp dụng: 8% theo quy định hiện hành của chính phủ Việt Nam.
- Đối với nhà cung ứng ngoài Việt Nam: áp dụng cả 2 loại thuế VAT và thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất theo quy định hiện hành của chính phủ Việt Nam. Cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế VAT:
 - $\text{Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp} = \frac{R}{1-5\%} \times 5\%$
 - $\text{Thuế VAT phải nộp} = \frac{R}{(1-5\%) \times (1-5\%)} \times 5\%$

Trong đó:

R: Tổng phí (USD) không bao gồm thuế

Bên mời chào giá sẽ tiến hành tính toán lại phần giá trị thuế mà nhà cung cấp đề xuất theo đúng công thức đã đưa ra tại Biểu giá chào để đảm bảo tính đúng và đủ thuế

Giá chào đã bao gồm:

- Chi phí dịch vụ nội dung theo từng ngôn ngữ.
- Chi phí kết nối và bảo trì hệ thống quản lý dịch thuật.

- VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp và tất cả các khoản thuế, phí phát sinh khác.

Đại diện hợp pháp của nhà cung ứng dịch vụ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CÁC TÀI LIỆU CỦA NHÀ CUNG CẤP

Mã tài liệu	Tên tài liệu	Có/Không	Tham chiếu
T1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy đăng ký hoạt động		
T2	Bản cam kết không cố tình chấp với TCTHK và điều kiện không bị cấm tham gia đấu thầu		
T3	Bản cam kết không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là nhà cung ứng dịch vụ chính		
T4	Báo cáo tài chính 02 năm 2023 và 2024		
T5	Bảng kê hợp đồng dịch thuật trong 2 năm gần nhất (2023-2024)		
T6	Danh sách chi tiết đội ngũ biên dịch và bảng cấp/chứng chỉ của từng cá nhân		
T7	Các bài dịch thuật của 15 ngôn ngữ đã đăng tải trên website, báo, tạp chí		
T8	Hóa đơn hoặc hợp đồng mua phần mềm quản lý dự án dịch trong năm 2024-2025		
T9	Bản cam kết đáp ứng yêu cầu thời gian hoàn thành bài dịch		
T10	Bản cam kết về điều kiện thanh toán		
T11	Đơn chào giá		
T12	Giấy ủy quyền		
T13	Biểu giá chào		